

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 30/2014/QĐ-UBND

Quảng Ngãi, ngày 24 tháng 6 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động
khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn
tỉnh Quảng Ngãi**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 của Chính phủ về khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 183/2010/TTLT-BTC-BNN ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước cấp đối với hoạt động khuyến nông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC ngày 02/12/2013 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT-BTC hướng dẫn một số nội dung thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Căn cứ Nghị quyết số 31/2013/NĐ-HĐND ngày 10/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện một số nội dung xây dựng nông thôn mới trên địa bàn cấp xã ở tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2013-2015;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 1319/TTr- SNNPTNT ngày 11/6/2014 về việc ban hành Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 40/BC-STP ngày 04/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH
Lê Quang Thích

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

**Nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông
từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 30/2014/QĐ-UBND
ngày 24/6/2014 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
2. Những nội dung chi và mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương không quy định trong Quy định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Nội dung chi và mức hỗ trợ tại quy định này được áp dụng cho hợp phần hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người sản xuất: Nông dân sản xuất nhỏ, nông dân sản xuất hàng hóa, nông dân thuộc diện hộ nghèo; chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác và thành viên hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường, doanh nghiệp vừa và nhỏ.
2. Tổ chức khuyến nông trong nước và nước ngoài thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ.
3. Người hoạt động khuyến nông tham gia thực hiện các hoạt động hỗ trợ nông dân để phát triển sản xuất kinh doanh thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ.
4. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về khuyến nông bao gồm: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các huyện; phòng Kinh tế và Hạ tầng nông thôn huyện Lý Sơn; phòng Kinh tế thành phố Quảng Ngãi.
5. Cơ quan có chức năng quản lý, triển khai các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và dịch vụ nông thôn thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn

mới trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, bao gồm: Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới các cấp trên địa bàn tỉnh; Văn phòng điều phối và Cơ quan thường trực Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp tỉnh, huyện; UBND xã và Ban quản lý Chương trình xây dựng nông thôn mới các xã.

Điều 3. Nguồn kinh phí bảo đảm cho hoạt động khuyến nông địa phương

Nguồn kinh phí do ngân sách nhà nước cấp trong dự toán được cấp có thẩm quyền giao hàng năm và các nguồn kinh phí hợp pháp khác sử dụng cho hoạt động khuyến nông địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí khuyến nông địa phương

1. Kinh phí khuyến nông:

a) Kinh phí cấp tỉnh sử dụng cho những hoạt động khuyến nông phù hợp với nhu cầu, chiến lược, quy hoạch phát triển nông nghiệp của tỉnh. Việc xét chọn nội dung hoạt động khuyến nông hàng năm do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí khuyến nông.

b) Kinh phí cấp huyện, thành phố sử dụng cho những hoạt động khuyến nông do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố quyết định nội dung hoạt động và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng kinh phí đó.

2. Các tổ chức, đơn vị được giao kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông phải công khai chế độ, định mức, tiêu chuẩn, kinh phí cho các đối tượng hưởng thụ theo quy định hiện hành.

3. Các tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí khuyến nông phải đúng mục đích, đúng chế độ, chịu sự kiểm tra kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; thực hiện quyết toán kinh phí đã sử dụng theo quy định hiện hành.

Chương II NỘI DUNG CHI VÀ MỨC HỖ TRỢ

Điều 5. Chi tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo

1. Nội dung chi: Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học; văn phòng phẩm; nước uống; thuê phương tiện, hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật, chi tiền đi lại, tiền ở, phiên dịch (nếu có); chi cho học viên: hỗ trợ tiền ăn, đi lại, tiền ở (nếu có); chi khác như: khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, tiền y tế cho lớp học, khen thưởng.

2. Đối tượng và mức hỗ trợ:

a) Người nông dân sản xuất nhỏ, nông dân thuộc diện hộ nghèo:

- Hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học nhưng không quá 30.000 đồng/người/khóa học; tiền ăn không quá 70.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng,

tập huấn, đào tạo tổ chức tại trung tâm thành phố (bao gồm các phường thuộc thành phố Quảng Ngãi); không quá 50.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tổ chức tại huyện (trung tâm huyện) và các xã còn lại của thành phố Quảng Ngãi; không quá 25.000 đồng/người/ngày thực học đối với các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tổ chức tại các xã thuộc huyện.

- Hỗ trợ tiền đi lại cho người học ở cách xa nơi cư trú từ 10km trở lên đối với địa bàn có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,3 trở lên và 15km trở lên đối với các vùng còn lại của tỉnh Quảng Ngãi, mức hỗ trợ như sau:

+ Nếu tự túc phương tiện bằng xe cá nhân thì được hỗ trợ tiền tự túc phương tiện theo số km thực đi nhân với đơn giá 2.000 đồng/km đối với địa bàn có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,3 trở lên và 1.500 đồng/km đối với các vùng còn lại của tỉnh Quảng Ngãi nhưng tối đa không quá 150.000 đồng/người/khóa học.

+ Nếu đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng thì được hỗ trợ 100% tiền đi lại theo giá giao thông công cộng nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/khóa học.

+ Hỗ trợ 100% tiền đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng cho người học có hộ khẩu thường trú tại huyện đảo Lý Sơn khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo tổ chức trong đất liền theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

- Hỗ trợ 100% tiền thuê chỗ ở cho người học ở cách xa nơi cư trú từ 25km trở lên nhưng tối đa không quá 120.000 đồng/người/ngày đối với địa bàn thành phố Quảng Ngãi và không quá 100.000 đồng/người/ngày đối với địa bàn các huyện còn lại trong tỉnh.

b) Người nông dân sản xuất hàng hóa, chủ trang trại, tổ viên tổ hợp tác và thành viên hợp tác xã, công nhân nông, lâm trường được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học và 50% tiền đi lại, tiền ăn, ở theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

c) Doanh nghiệp vừa và nhỏ trực tiếp hoạt động trong các lĩnh vực nêu tại khoản 1, Điều 1 Nghị định số 02/2010/NĐ-CP ngày 8/01/2010 của Chính phủ được hỗ trợ 50% chi phí tài liệu học khi tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo.

d) Đối với người hoạt động khuyến nông hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; 100% tiền thuê chỗ ở cho học viên ở xa nơi cư trú từ 25 km trở lên theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

đ) Đối với người hoạt động khuyến nông không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học; hỗ trợ tiền ăn, tiền đi lại, chỗ ở cho người học theo mức quy định tại điểm a, khoản này.

e) Chi phí cho việc tổ chức lớp học, gồm:

- Chi văn phòng phẩm theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp, nhưng tối đa không quá 20.000 đồng/người.

- Chi nước uống tối đa không quá mức 15.000 đồng/người/ngày.

- Chi thuê hội trường, trang thiết bị phục vụ lớp học; vật tư thực hành lớp học (nếu có) theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

f) Chi cho giảng viên và hướng dẫn viên, gồm:

- Chi bồi dưỡng giảng dạy:

+ Các lớp bồi dưỡng, tập huấn, đào tạo nghiệp vụ khuyến nông, kỹ thuật chuyên sâu có thời gian từ 2 ngày trở lên được chi bồi dưỡng giảng viên 800.000 đồng/người/ngày (400.000 đồng/người/buổi) đối với trường hợp thuê giảng viên là lãnh đạo từ cấp Cục, Vụ, Viện, lãnh đạo cấp Sở và tương đương. Các trường hợp còn lại bao gồm: cán bộ, công chức cấp sở hoặc tương đương; cán bộ, công chức cấp huyện, thành phố hoặc tương đương; lãnh đạo, viên chức của Trung tâm khuyến nông khuyến ngư tỉnh, Trạm khuyến nông huyện, thành phố; cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông dân sản xuất giỏi,... là 600.000 đồng/người/ngày (300.000 đồng/người/buổi). Hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật 400.000 đồng/người/ngày (200.000 đồng/người/buổi).

+ Đối với các lớp tập huấn kỹ thuật triển khai mô hình trình diễn, nhân rộng mô hình được chi bồi dưỡng giảng viên là cán bộ chuyên môn của Trung tâm khuyến nông khuyến ngư tỉnh, Trạm khuyến nông huyện hoặc cán bộ chuyên môn của các phòng, ban thuộc huyện, thành phố (nếu có) là 400.000 đồng/người/ngày (200.000 đồng/người/buổi). Hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật 200.000 đồng/người/ngày (100.000 đồng/người/buổi).

+ Một ngày giảng lý thuyết hoặc hướng dẫn thực hành thao tác kỹ thuật được tính là 10 tiết hoặc 8 giờ. Tiền bồi dưỡng cho giảng viên, hướng dẫn viên đã bao gồm tiền biên soạn tài liệu, bài giảng.

- Chi tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở:

+ Đối với giảng viên là lãnh đạo từ cấp Cục, Vụ, Viện được hỗ trợ tiền đi lại bằng phương tiện giao thông công cộng (gồm: tiền thuê phương tiện chiều đi và về từ nhà đến sân bay, ga tàu, bến xe; vé máy bay, vé tàu, xe vận tải công cộng từ cơ quan để di chuyển đến nơi công tác và theo chiều ngược lại) theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp. Chi tiền ở theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp nhưng tối đa không vượt quá 500.000 đồng/người/ngày-đêm.

+ Đối với giảng viên là cán bộ, công chức cấp sở hoặc tương đương; cán bộ, công chức cấp huyện, thành phố hoặc tương đương; lãnh đạo, viên chức của Trung tâm khuyến nông khuyến ngư tỉnh, Trạm khuyến nông huyện, thành phố hỗ trợ tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở theo chế độ công tác phí hiện hành đối với công chức, viên chức nhà nước.

+ Đối với giảng viên là cán bộ kỹ thuật, kỹ sư, người lao động có tay nghề cao tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh, nông dân sản xuất giỏi,... được hỗ trợ tiền đi lại, tiền thuê chỗ ở tối đa bằng với mức chi cho giảng viên là lãnh đạo từ cấp Cục, Vụ, Viện.

Điều 6. Chi thông tin tuyên truyền

Nhà nước hỗ trợ kinh phí thông tin tuyên truyền về hoạt động khuyến nông cho các tổ chức, cá nhân tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác khuyến nông; phổ biến tiến bộ kỹ thuật và công nghệ, kết quả mô hình trình diễn, điển hình tiên tiến, bằng các hình thức sau:

1. Truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng; tạp chí, tập san, bản tin, pano, áp phích, trang web khuyến nông, đĩa CD,...); cung cấp các loại sổ tay Khuyến nông, tạp chí Khuyến nông: Hàng năm căn cứ nhu cầu và khả năng kinh phí khuyến nông dành cho công tác tuyên truyền, cơ quan khuyến nông xây dựng chương trình tuyên truyền về hoạt động khuyến nông trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, thực hiện theo phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng.

2. Chi biên soạn, in ấn và phát hành bản tin Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quảng Ngãi: Thực hiện theo quy định hiện hành.

3. Diễn đàn khuyến nông (các hoạt động đối thoại, cung cấp thông tin về sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới,...) gồm: Chi thuê hội trường; tài liệu; tiền nước uống; báo cáo viên; hỗ trợ ăn, ở, đi lại cho đại biểu tham gia diễn đàn.

Mức hỗ trợ đại biểu tham gia diễn đàn theo khoản 2, Điều 5 Quy định này; riêng mức chi nước uống, báo cáo viên thực hiện theo quy định hiện hành về chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

4. Hội nghị, gồm: Hội nghị tổng kết khuyến nông, hội nghị giao ban khuyến nông. Mức chi theo quy định hiện hành về chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

5. Chi tham gia hội chợ triển lãm hàng nông nghiệp trong nước (trong và ngoài tỉnh):

a) Đối tượng hỗ trợ:

- Hộ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và ngành nghề nông thôn (gọi tắt là hộ sản xuất) có hàng hóa được cử tham gia hội chợ triển lãm.

- Các trang trại, doanh nghiệp (gọi tắt là doanh nghiệp) trên địa bàn tỉnh có hàng hóa được cử tham gia hội chợ triển lãm.

- Cán bộ được cử tham gia công tác tổ chức hoặc tổ công tác hỗ trợ người sản xuất và doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm.

b) Nội dung chi:

- Chi phí thuê gian hàng mặt bằng (thuê mặt bằng, dàn dựng, lắp đặt gian hàng).

- Chi phí vận chuyển hàng mẫu tham gia hội chợ triển lãm (cả đi và về).

- Chi phí đi lại, ăn, ở cho cán bộ được cử tham gia công tác tổ chức hoặc tổ công tác hỗ trợ người sản xuất và doanh nghiệp tham gia hội chợ triển lãm.

c) Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ bằng 70% mức chi thực tế, nhưng tối đa không quá 30.000.000 (ba mươi triệu đồng)/1 hộ sản xuất khi tham gia hội chợ triển lãm cho tất cả các chi phí.

- Hỗ trợ bằng 50% mức chi thực tế, nhưng tối đa không quá 20.000.000 (hai mươi triệu đồng)/1 doanh nghiệp khi tham gia hội chợ triển lãm cho tất cả các chi phí.

- Cán bộ được cử tham gia công tác tổ chức được thanh toán tiền đi lại, tiền ngủ, công tác phí theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí đối với công chức, viên chức nhà nước.

6. Chi hội thi khuyến nông, gồm: Chi tuyên truyền, thuê hội trường, trang thiết bị, văn phòng phẩm; chi ban giám khảo chấm thi; chi hội đồng tư vấn khoa học, soạn câu hỏi và đáp án; chi khai mạc, bế mạc; chi thức ăn, hoá chất, vật tư, dụng cụ phục vụ cuộc thi (nếu có); chi đạo diễn và biên tập chương trình thi; chi giải thưởng; chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho đội tuyển dự thi và đại biểu, khách mời tham gia cổ động (nếu có) và chi khác. Mức chi theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho từng hội thi.

7. Chi xây dựng và quản lý dữ liệu hệ thống thông tin khuyến nông: Chi thuê đường truyền, mua phần mềm, cập nhật số liệu, bảo trì, bảo mật và các khoản chi khác (nếu có) theo quy định hiện hành.

Điều 7. Chi xây dựng các mô hình trình diễn về khuyến nông

1. Nội dung chi:

a) Xây dựng các mô hình trình diễn về tiến bộ kỹ thuật và công nghệ phù hợp với thực tiễn sản xuất của địa phương.

b) Xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp. Tiêu chuẩn mô hình ứng dụng công nghệ cao theo quy định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phù hợp với quy định của Luật Công nghệ cao.

c) Xây dựng mô hình tổ chức, quản lý sản xuất, kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững.

d) Chi thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn; chi triển khai mô hình trình diễn.

2. Mức hỗ trợ:

a) Xây dựng mô hình trình diễn để phổ biến và nhân rộng những tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất:

- Mô hình sản xuất nông nghiệp trình diễn: Các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và đảo Lý Sơn, xã an toàn khu, các huyện nghèo được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và chi phí mua vật tư thiết yếu; bao gồm các loại phân bón, hoá chất, thức ăn gia súc, thức ăn thủy sản, vật tư khác (nếu có). Các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng, xã bãi ngang ven biển được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu. Các xã đồng bằng được hỗ trợ 100% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu.

- Mô hình cơ giới hoá nông nghiệp, bảo quản chế biến, nghề muối và ngành nghề nông thôn được hỗ trợ chi phí mua công cụ, máy cơ khí, thiết bị: Các xã, thôn đặc biệt khó khăn vùng miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và đảo Lý Sơn, xã an toàn khu, các huyện nghèo được hỗ trợ 100% chi phí, nhưng tối đa không quá 150 triệu đồng/mô hình. Các xã miền núi thuộc huyện đồng bằng, xã bãi ngang ven biển được hỗ trợ 75% chi phí, nhưng tối đa không quá 125 triệu đồng/mô hình. Các xã đồng bằng được hỗ trợ 50% chi phí, nhưng tối đa không quá 75 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển gần bờ (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị, nhưng không quá 125 triệu đồng/mô hình. Mô hình khai thác và bảo quản sản phẩm trên biển xa bờ và tuyến đảo (không bao gồm vỏ tàu, máy tàu): hỗ trợ tối đa 50% chi phí trang thiết bị, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình ứng dụng công nghệ cao: Hỗ trợ tối đa 30% tổng chi phí thực hiện mô hình, nhưng không quá 200 triệu đồng/mô hình.

- Mô hình tổ chức, quản lý sản xuất kinh doanh tổng hợp nông nghiệp hiệu quả và bền vững: hỗ trợ tối đa không quá 30 triệu đồng/mô hình.

b) Thuê cán bộ kỹ thuật chỉ đạo mô hình trình diễn tính bằng mức lương cơ sở/22 ngày nhân (x) số ngày thực tế thuê.

c) Chi phí triển khai mô hình trình diễn: Tập huấn cho người tham gia mô hình, hội nghị tổng kết mô hình và chi khác (nếu có). Nội dung chi, mức hỗ trợ theo quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy định này nhưng tối đa không quá 12 triệu đồng/mô hình; riêng mô hình công nghệ cao tối đa không quá 15 triệu đồng/mô hình.

Điều 8. Chi nhân rộng mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến ra diện rộng

1. Hỗ trợ kinh phí thông tin, tuyên truyền, quảng cáo, hội nghị đầu bờ.

2. Mức hỗ trợ không quá 15 triệu đồng/1 mô hình, điển hình sản xuất tiên tiến; trong đó mức hỗ trợ cho người tham gia triển khai nhân rộng mô hình, giảng viên, hướng dẫn viên thực hành thao tác kỹ thuật áp dụng quy định tại khoản 2, Điều 5 của Quy định này. Riêng mức hỗ trợ tiền ăn cho người tham gia tập huấn không quá 25.000 đồng/người/ngày.

Điều 9. Các nội dung khác liên quan đến hoạt động khuyến nông

1. Chi mua bản quyền tác giả, mua công nghệ mới gắn với chương trình, dự án khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện.

2. Biên soạn tài liệu để hướng dẫn, đào tạo, tư vấn khuyến nông; áp dụng theo quy định tại Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; cụ thể như sau:

a) Nội dung chi: biên soạn các loại quy trình kỹ thuật, hướng dẫn kỹ thuật sản xuất các loại cây, con và ngành nghề nông thôn; viết các loại tờ rơi, tờ gấp kỹ thuật phục vụ công tác khuyến nông được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Mức hỗ trợ:

- Chi công biên soạn, viết: 45.000 đồng/trang chuẩn.

- Chi sửa chữa và biên tập tổng thể: 25.000 đồng/trang chuẩn.

- Chi thẩm định nhận xét: 20.000 đồng/trang chuẩn.

- Chi phô tô, đóng tập theo giá thực tế tại thời điểm, nhưng tối đa không quá 500 đồng/trang chuẩn.

3. Chi thuê chuyên gia trong và ngoài nước phục vụ hoạt động khuyến nông; thuê chuyên gia đánh giá hoạt động khuyến nông: Căn cứ mức độ cần thiết và khả năng kinh phí, thủ trưởng đơn vị được giao chủ trì thực hiện chương trình, dự án khuyến nông lập hồ sơ trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

4. Chi tham quan, học tập trong nước, ngoài nước: Thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

5. Mua sắm trang thiết bị phục vụ trực tiếp cho các hoạt động khuyến nông: Thực hiện theo quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán ngân sách giao hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Chi quản lý chương trình, dự án khuyến nông:

a) Cơ quan quản lý kinh phí khuyến nông: Được sử dụng tối đa không quá 2% tổng dự toán kinh phí của chương trình, dự án khuyến nông để tổ chức, triển khai xây dựng các chương trình, dự án, mô hình khuyến nông, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đánh giá, gồm: Thuê chuyên gia, lao động (nếu có); chi làm thêm giờ theo chế độ quy định; văn phòng phẩm, điện thoại, bưu chính, điện nước; chi công tác phí, xăng dầu, thuê xe đi kiểm tra (nếu có); chi thẩm định xét chọn, nghiệm thu chương trình, dự án, mô hình khuyến nông; chi khác (nếu có).

b) Đơn vị, tổ chức triển khai thực hiện chương trình, dự án khuyến nông: Được chi không quá 3% tổng dự toán kinh phí của chương trình, dự án khuyến nông. Riêng dự án khuyến nông triển khai ở những địa bàn khó khăn, huyện nghèo được chi không quá 4% để chi cho công tác quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, chi khác (nếu có).

Điều 10. Lập, chấp hành, quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước và công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo

1. Lập, chấp hành và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước:

a) Hàng năm, căn cứ nội dung, kế hoạch hoạt động khuyến nông của các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện hoạt động khuyến nông lập dự toán kinh phí khuyến nông cùng với dự toán chi thường xuyên của cơ quan, đơn vị (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với ngân sách tỉnh; Trạm Khuyến nông huyện,

thành phố đối với ngân sách huyện, thành phố) gửi cơ quan Tài chính cùng cấp để tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt giao dự toán hàng năm cho đơn vị.

b) Kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông theo quy định tại Quy định này được phản ánh và quyết toán vào Chương 412 Loại 010 Khoản 014, theo Chương tương ứng của Mục lục Ngân sách nhà nước hiện hành.

c) Việc lập dự toán, quản lý, cấp phát, thanh toán và quyết toán kinh phí hoạt động khuyến nông được thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước và theo chế độ quy định quản lý tài chính hiện hành.

2. Công tác thanh tra, kiểm tra, báo cáo:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về khuyến nông địa phương có trách nhiệm phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp kiểm tra định kỳ, đột xuất tình hình thực hiện các hoạt động khuyến nông, bảo đảm việc quản lý, sử dụng kinh phí khuyến nông địa phương đúng mục đích, có hiệu quả.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đánh giá các hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, đồng gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả thực hiện theo đúng quy định.

Chương 3

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Tổ chức thực hiện

1. Giao Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc các sở, Thủ trưởng các ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố có trách nhiệm thực hiện nội dung chi và mức hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn kinh phí địa phương theo đúng Quy định này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.